ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2648 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định, tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở sửa đổi năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 691/TTr-SNV ngày 19 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định, tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên *(các Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan hướng dẫn cụ thể các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công bố công khai.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2024 - 2025 đối với các sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên

(*Kèm theo Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. **Phạm vi điều chỉnh:** Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở).

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Không áp dụng với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. **Mục đích, yêu cầu**

1. Đánh giá chính xác, khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Giúp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phát hiện những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện cải cách hành chính, đề ra những giải pháp khắc phục thiếu sót, hạn chế mà Chỉ số cải cách hành chính đã nêu ra.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai công tác cải cách hành chính.

4. Đánh giá theo nội dung Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026 - 2030, nội dung

Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025.

5. Việc đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã được tổ chức định kỳ hằng năm và thông qua phần mềm đánh giá chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

6. Kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã là một trong những tiêu chí quan trọng xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá năng lực, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá

1. Cấp trên đánh giá cấp dưới.

2. Đảm bảo đánh giá toàn diện, đa chiều; có sự đánh giá bên trong cơ quan hành chính (tự chấm điểm/thẩm định) và đánh giá bên ngoài của người dân, tổ chức (thông qua điều tra xã hội học).

Chương II

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

Điều 5. Nội dung đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính

1. Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính theo Quy định này là hệ thống các tiêu chí để đo lường những thay đổi được tạo ra trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Nội dung đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành năm 2025, cụ thể như sau:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành;

b) Cải cách thể chế;

c) Cải cách thủ tục hành chính;

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính;

đ) Cải cách chế độ công vụ;

e) Cải cách tài chính công;

g) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số;

h) Kết quả hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ hành chính (đối với các sở);

i) Nâng cao Hiệu quả quản trị và hành chính công (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã);

k) Tác động của cải cách hành chính đến kinh tế - xã hội (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 6. Thang điểm và phương pháp đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính

1. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, gồm có:

a) Điểm tự chấm/thẩm định;

b) Điểm điều tra xã hội học (điểm đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025).

2. Phương pháp đánh giá

a) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã tự theo dõi, đánh giá và chấm điểm kết quả triển khai thực hiện cải cách hành chính theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phê duyệt;

b) Thẩm định điểm tự đánh giá, chấm điểm đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 7. Cách tính điểm

1. Tính điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ thì tùy theo mức độ thực hiện mà trừ đi số điểm trong tổng số điểm.

2. Chỉ số cải cách hành chính là tỷ lệ % giữa điểm đạt được (điểm thẩm định + điểm điều tra xã hội học) và số điểm tối đa = (số điểm đạt được/số điểm tối đa)*100%.

* ***Ví dụ***: Qua thẩm định điểm chấm năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đạt 80 điểm, điểm điều tra xã hội học đạt 6,5 điểm. Vậy số điểm đạt được của Sở Nông nghiệp và Môi trường = 80 điểm + 6,5 điểm = 86,5 điểm. Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường là: (86,5/100)*100% = 86,5%.

3. Đối với cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thực hiện trong thực tế chưa hoàn toàn phù hợp với tiêu chí đã được quy định nhưng có nội dung tương tự thì xác định kết quả của công việc tương tự đó và vận dụng để tính điểm cho tiêu chí.

4. Điểm số được tính sau dấu phẩy "hai chữ số". Nếu sau dấu phẩy "hai chữ số" có đơn vị bằng điểm nhau thì tính đến sau dấu phẩy "ba chữ số". Nếu vẫn tiếp tục bằng điểm nhau sẽ xếp hạng các đơn vị bằng nhau.

5. Cách chấm điểm được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Chương III

QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 8. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm

1. Tự đánh giá, chấm điểm

a) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định này và kết quả thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính được phê duyệt;

b) Thành phần tham gia

- Tại các sở: Thủ trưởng đơn vị chủ trì và có sự tham gia của Trưởng các phòng, ban, đơn vị chuyên môn liên quan;

- Tại Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì và có sự tham gia của Trưởng các phòng chuyên môn liên quan.

2. Gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm

a) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên (tài khoản được cấp cho đơn vị) và gửi báo cáo về Hội đồng thẩm định;

b) Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính phải thể hiện đầy đủ điểm số thực tế của từng tiêu chí, tổng số điểm đạt được, đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng, chứng minh cho kết quả đạt được và giải trình chi tiết, cụ thể, ngắn gọn với điểm số tự chấm;

c) Gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm thông qua phần mềm chấm điểm gồm:

- Kết quả tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí được phê duyệt;

- Ý kiến giải trình chi tiết đối với điểm số tự chấm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần và hồ sơ tài liệu kiểm chứng có liên quan; Biểu chấm điểm chiết xuất từ phần mềm được ký, đóng dấu gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định thông qua phần mềm chấm điểm.

Điều 9. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm

1. Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có:

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng thẩm định;

- Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định;

- Giám đốc các sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (phụ trách lĩnh vực), Phó Giám đốc Sở Nội vụ phụ trách lĩnh vực cải cách hành chính và các đơn vị liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là Thành viên Hội đồng thẩm định.

b) Tổ thẩm định

- Tổ trưởng Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là Phó Giám đốc Sở Nội vụ phụ trách lĩnh vực cải cách hành chính;

- Tổ viên Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là công chức của các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan;

c) Số lượng Thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ trong quá trình hoạt động;

đ) Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định hoạt động kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm

a) Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã với nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công;

b) Gửi kết quả thẩm định đến Chủ tịch Hội đồng thẩm định đúng thời gian quy định;

c) Phân tích kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã và đề xuất việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính;

d) Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm.;

đ) Căn cứ thẩm định

- Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Hồ sơ, tài liệu để chứng minh cho kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Thông tin, số liệu có liên quan từ các cơ quan chuyên môn cung cấp và các cơ quan khác có liên quan;

- Đối với một số tiêu chí cần có thông tin chuyên ngành mà các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm, tài liệu kiểm chứng của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã không có thì khai thác, truy vấn các báo cáo, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế;

- Chỉ thực hiện thẩm định đối với các tiêu chí có đủ tài liệu kiểm chứng, căn cứ, số liệu minh chứng và giải trình chi tiết, rõ ràng.

Điều 10. Công bố Chỉ số cải cách hành chính hằng năm

1. Sở Nội vụ - cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học để xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm.

Điều 11. Xếp hạng và phân loại kết quả cải cách hành chính

Việc xếp hạng kết quả Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã được tính trên cơ sở số điểm của kết quả thẩm định đối với mỗi sở, Ủy ban nhân dân cấp xã cộng với kết quả điểm điều tra xã hội học và được xác định theo thứ tự từ cao xuống thấp, đồng thời phân loại thành các nhóm như sau:

1. Nhóm Xuất sắc: Đạt 90 điểm trở lên.

2. Nhóm Tốt: Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.

3. Nhóm Khá: Đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.

4. Nhóm Trung bình: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

5. Nhóm Yếu: Đạt dưới 50 điểm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, chấm điểm nêu tại Quy định này và báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) đúng thời gian quy định theo kế hoạch triển khai hằng năm.

2. Phối hợp lập danh sách đối tượng điều tra xã hội học, gửi Sở Nội vụ theo quy định.

3. Tổ chức phổ biến, quán triệt Quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Căn cứ Quy định này và thực tế triển khai cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương xây dựng quy định đánh giá trong phạm vi nội bộ.

5. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm theo Quy định này;

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính hằng năm;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định;

d) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá theo quy định này;

đ) Lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính;

2. Các sở: Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan cử công chức tham gia Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo Quy định này.

3. Sở Tài chính trên cơ sở dự toán các đơn vị lập, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, báo cáo trình cấp có thẩm quyền nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định về phân cấp ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Báo và Phát thanh Truyền hình Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên

a) Tuyên truyền làm nổi bật mục tiêu, ý nghĩa, nâng cao nhận thức của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Phản ánh trung thực quá trình thực hiện các nội dung cải cách hành chính làm cơ sở giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá khách quan, chính xác kết quả thực hiện tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã./.

PHỤ LỤC I. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025 CỦA CÁC SỞ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**13**				
1.1	**Kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện**	**2,5**				
1.1.1	Ban hành kế hoạch	0,5				
1.1.2	Bố trí đủ nguồn lực thực hiện:	0,5				
1.1.3	Hoàn thành kế hoạch	1,5				
1.2	**Báo cáo CCHC**	**1**				
1.3	**Kiểm tra công tác CCHC**	**2**				
1.3.1	Thực hiện kiểm tra công tác CCHC	1				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC	1				
1.4	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**1,5**				
1.5	**Sáng kiến về CCHC**	**1**				
1.6	**Phân tích kết quả và đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của đơn vị**	**2**				
1.6.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của đơn vị	1				
1.6.2	Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của đơn vị và triển khai thực hiện	1				
1.7	**Triển khai hoạt động nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Thái Nguyên**	**1**				
1.7.1	Ban hành kế hoạch triển khai	0,5				
1.7.2	Báo cáo kết quả thực hiện	0,5				
1.8	**Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch, UBND tỉnh giao trong năm đánh giá**	**2**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
2	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**8**				
2.1	**Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**	**1**				
2.2	**Xử lý văn bản QPPL sau khi có kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền**	**1**				
2.3	**Rà soát văn bản QPPL theo quy định**	**1,5**				
2.3.1	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL	0,5				
2.3.2	Thực hiện rà soát văn bản QPPL theo quy định	1				
2.4	**Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật**	**1,5**				
2.4.1	Tổ chức cuộc thi hoặc hội thảo, tọa đàm tìm hiểu pháp luật, mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật chuyên ngành	1				
2.4.2	Các hình thức khác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5				
2.5	**Xây dựng pháp chế ngành**	**1**				
2.6	**Theo dõi thi hành pháp luật**	**2**				
2.6.1	Kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	0,5				
2.6.2	Xử lý các kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
2.6.3	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo quy định	0,5				
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**16**				
3.1	**Kiểm soát thủ tục hành chính**	**4**				
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	1				
3.1.2	Rà soát, trình công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	1				
3.1.3	Rà soát, đơn giản hóa TTHC	1				
3.1.4	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	1				
3.2	**TTHC nội bộ**	**2**				
3.2.1	Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ	1				
3.2.2	Trình cấp có thẩm quyền công bố TTHC nội bộ	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
3.3	**Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC**	**6**				
3.3.1	Bố trí cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công (PVHCC) của tỉnh	0,5				
3.3.2	Công khai số điện thoại công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết TTHC	0,5				
3.3.3	Công khai TTHC	1				
3.3.4	Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC	1				
3.3.5	Thực hiện các quy định về quy trình TTHC liên thông	0,5				
3.3.6	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	1				
3.3.7	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC sớm, đúng hẹn	1				
3.3.8	Xin lỗi tổ chức, cá nhân khi có hồ sơ trả chậm	0,5				
3.4	**Đổi mới nâng cao chất lượng giải quyết TTHC**	**4**				
3.4.1	Thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC	1				
3.4.2	Đề xuất ủy quyền giải quyết TTHC	1				
3.4.3	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	2				
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**12**				
4.1	**Sắp xếp tổ chức bộ máy**	**4,5**				
4.1.1	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định	1				
4.1.2	Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc	0,5				
4.1.3	Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của sở, ban, ngành	1				
4.1.4	Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	1				
4.1.5	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc đơn vị SNCL thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo quy định	1				
4.2	**Vị trí việc làm**	**3**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
4.2.1	Rà soát, xây dựng trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định	1				
4.2.2	Phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị SNCL thuộc phạm vi quản lý	1				
4.2.3	Tỷ lệ phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc bố trí công chức đúng vị trí việc làm	1				
4.3	**Sử dụng biên chế**	**1**				
4.3.1	Xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế	0,5				
4.3.2	Bố trí biên chế được giao	0,5				
4.4	**Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trực thuộc**	**1,5**				
4.4.1	Ban hành Quy chế, tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trực thuộc	0,5				
4.4.2	Thực hiện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trực thuộc	1				
4.5	**Thực hiện phân cấp, ủy quyền**	**2**				
4.5.1	Thực hiện phân cấp trong quản lý	1				
4.5.2	Thực hiện ủy quyền trong quản lý	1				
5	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**	**14**				
5.1	**Tuyển dụng công chức, viên chức**	**2**				
5.1.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	1				
5.1.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị SNCL trực thuộc	1				
5.2	**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**	**3**				
5.2.1	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.2.2	Biên soạn, sửa đổi, bổ sung, nâng cao chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
5.2.3	Hoàn thành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	1				
5.2.4	Báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo quy định	0,5				
5.3	**Thực hiện quy định quản lý, sử dụng công chức, viên chức**	**5**				
5.3.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành có cơ cấu công chức hợp lý theo quy định	0,5				
5.3.2	Thực hiện quy định về số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương của từng phòng, đơn vị theo quy định	0,5				
5.3.3	Bố trí công chức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu công chức đúng theo quy định	0,5				
5.3.4	Công tác quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.3.5	Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.3.6	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định	1				
5.3.7	Thực hiện luân chuyển lãnh đạo quản lý cấp phòng hoặc phân công lại nhiệm vụ đối với cấp phó sở, ban, ngành	1				
5.3.8	Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.4	**Thực hiện văn hóa công vụ**	**4**				
5.4.1	Ban hành Kế hoạch, văn bản thực hiện văn hóa công vụ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; quy định chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.4.2	Kiểm tra việc thực hiện, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; quy định chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.4.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.4.4	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức theo nguyên	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	tắc 6 rõ: "rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và rõ kết quả"					
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**10**				
6.1	**Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính**	**1,5**				
6.1.1	Thực hiện tại cơ quan hành chính	0,5				
6.1.2	Thực hiện tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	0,5				
6.1.3	Sử dụng các nguồn tài chính tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và phân phối kết quả tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập	0,5				
6.2	**Thực hiện công khai dự toán, quyết toán sử dụng ngân sách**	**1**				
6.2.1	Báo cáo công khai dự toán, quyết toán sử dụng ngân sách	0,5				
6.2.2	Công khai quyết toán sử dụng ngân sách, dự toán, tình hình thực hiện dự toán theo quy định	0,5				
6.3	**Quản lý, sử dụng tài sản công**	**1,5**				
6.3.1	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện công khai, kê khai tài sản công theo quy định	0,5				
6.3.2	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	0,5				
6.3.3	Thực hiện quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	0,5				
6.4	**Đổi mới cơ chế tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trực thuộc**	**3**				
6.4.1	Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên tại đơn vị SNCL	1,5				
6.4.2	Rà soát và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ SNCL sử dụng ngân sách nhà nước	0,5				
6.4.3	Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ SNCL sử dụng ngân sách nhà nước	0,5				
6.4.4	Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	sung định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá của dịch vụ SNCL					
6.5	**Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định**	**1,5**				
6.6	**Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách**	**1,5**				
7	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**	**17**				
7.1	**Thành lập Ban chỉ đạo về công tác chuyển đổi số**	**1**				
7.2	**Bố trí công chức phụ trách chuyển đổi số**	**1**				
7.3	**Tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số**	**2**				
7.3.1	Tổ chức hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng	1				
7.3.2	Xây dựng chuyên mục thực hiện Nghị quyết 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 (trong đó có nhiệm vụ về chuyển đổi số) trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	1				
7.4	**Xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số và tổ chức thực hiện**	**1,5**				
7.5	**Điều hành và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường số**	**1**				
7.6	**Tạo, lập hồ sơ công việc điện tử**	**1**				
7.7	**Sử dụng chữ ký số**	**1**				
7.8	**Trang thông tin điện tử**	**1**				
7.9	**Tỷ lệ hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến**	**1,5**				
7.10	**Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến**	**1**				
7.11	**Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến toàn trình**	**1,5**				
7.12	**Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số**	**1**				
7.13	**Mô hình, sản phẩm chuyển đổi số**	**1,5**				
7.14	**Kiểm tra trên môi trường số**	**1**				
8	**KẾT QUẢ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI**	**10**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH					
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	2				
8.2	Kết quả Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	2				
8.3	Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của công chức	2				
8.4	Kết quả Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2				
8.5	Kết quả Chỉ số hài lòng về tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị	2				
	Tổng số điểm	**100**	**8**	**92**	**-**	**-**

PHỤ LỤC II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**10**				
1.1	**Kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện**	**2,5**				
1.1.1	Ban hành kế hoạch	0,5				
1.1.2	Bố trí đủ nguồn lực thực hiện:	0,5				
1.1.3	Hoàn thành kế hoạch	1,5				
1.2	**Báo cáo CCHC**	**1**				
1.3	**Kiểm tra công tác CCHC**	**2**				
1.3.1	Thực hiện kiểm tra công tác CCHC	1				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC	1				
1.4	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**1,5**				
1.5	**Sáng kiến về CCHC**	**1**				
1.6	**Phân tích kết quả và đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của địa phương**	**2**				
1.6.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của địa phương	1				
1.6.2	Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của địa phương và triển khai thực hiện	1				
2	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**7**				
2.1	**Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**	**0,5**				
2.2	**Tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL**	**1,5**				
2.2.1	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL	0,5				
2.2.2	Xử lý vấn đề qua rà soát văn bản QPPL	1				
2.3	**Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật**	**1,5**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
2.3.1	Thực hiện kiểm tra	0,5				
2.3.2	Xử lý kết quả thi hành văn bản QPPL	1				
2.4	**Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật**	**1,5**				
2.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	0,5				
2.4.2	Triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	1				
2.5	**Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật**	**2**				
2.5.1	Kế hoạch và các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	0,5				
2.5.2	Xử lý các kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
2.5.3	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5				
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**15**				
3.1	**Kiểm soát thủ tục hành chính**	**2**				
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	0,5				
3.1.2	Rà soát TTHC	1				
3.1.3	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	0,5				
3.2	**Trung tâm Phục vụ hành chính công**	**4**				
3.2.1	Bố trí cán bộ, công chức làm việc	0,5				
3.2.2	Bố trí phòng làm việc	0,5				
3.2.3	Trang thiết bị của Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5				
3.2.4	Hệ thống camera giám sát	0,5				
3.2.5	Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5				
3.2.6	Công khai số điện thoại, cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết TTHC	0,5				
3.2.7	Công khai TTHC	0,5				
3.2.8	Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
3.3	**Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC**	**4**				
3.3.1	Thực hiện các quy định về quy trình TTHC liên thông	1				
3.3.2	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	1				
3.3.3	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC sớm, đúng hẹn	1,5				
3.3.4	Xin lỗi tổ chức, cá nhân khi có hồ sơ trả chậm	0,5				
3.5	**Đổi mới nâng cao chất lượng giải quyết TTHC**	**5**				
3.5.1	Thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC	0,5				
3.5.2	Đề xuất ủy quyền giải quyết TTHC	0,5				
3.5.3	Bố trí nhân viên Bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để hỗ trợ người dân, tổ chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	0,5				
3.5.4	Dịch vụ tiện ích phục vụ tổ chức, cá nhân	1				
3.5.5	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	1,5				
3.5.6	Triển khai thực hiện 25 dịch vụ công trực tuyến không nhận hồ sơ bản giấy	1				
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**10**				
4.1	**Sắp xếp tổ chức bộ máy**	**3,5**				
4.1.1	Trình HĐND cùng cấp quyết định thành lập hoặc không thành lập, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP	0,5				
4.1.2	Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo quy định	0,5				
4.1.3	Báo cáo HĐND cùng cấp và UBND tỉnh về tổ chức, hoạt động của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	1				
4.1.4	Thành lập, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	0,5				
4.1.5	Rà soát, đổi tên (trùng tên), chuyển xóm, thôn thành tổ dân phố và	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	ngược lại theo quy định					
4.2	**Vị trí việc làm**	**3**				
4.2.1	Bố trí công chức theo vị trí việc làm	1				
4.2.2	Kịp thời bổ sung nhân lực cho các vị trí việc làm còn thiếu	1				
4.2.3	Tỷ lệ phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc bố trí công chức đúng vị trí việc làm	1				
4.3	**Sử dụng biên chế**	**1**				
4.3.1	Xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế	0,5				
4.3.2	Bố trí biên chế	0,5				
4.4	**Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trực thuộc**	**1,5**				
4.4.1	Ban hành Quy chế, tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trực thuộc	0,5				
4.4.2	Thực hiện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức trực thuộc UBND cấp xã	1				
4.5	**Thực hiện phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền**	**1**				
5	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**	**12**				
5.1	**Tuyển dụng công chức, viên chức**	**2**				
5.1.1	Rà soát, xây dựng phương án, kế hoạch tuyển dụng công chức	0,5				
5.1.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	1				
5.1.3	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0,5				
5.2	**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**	**2**				
5.2.1	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.2.2	Hoàn thành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	1				
5.2.3	Báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo quy định	0,5				
5.3	**Thực hiện quy định quản lý, sử dụng công chức, viên chức**	**3**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
5.3.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã có cơ cấu công chức hợp lý theo quy định	0,5				
5.3.2	Thực hiện quy định về số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương của từng phòng, đơn vị theo quy định	0,5				
5.3.3	Công tác quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.3.4	Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.3.5	Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	1				
5.4	**Thực hiện văn hóa công vụ**	**5**				
5.4.1	Ban hành Kế hoạch, văn bản thực hiện văn hóa công vụ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; quy định chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức	1				
5.4.2	Kiểm tra việc thực hiện, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; quy định chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức	1				
5.4.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.4.4	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức theo nguyên tắc 6 rõ: "rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và rõ kết quả"	1				
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**10**				
6.1	**Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính**	**0,5**				
6.2	**Thực hiện cơ chế tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc**	**0,5**				
6.3	**Quyết định dự toán thu, chi, phân bổ, điều chỉnh, phê chuẩn quyết toán ngân sách**	**1**				
6.4	**Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách địa phương**	**1**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
6.5	**Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định**	**1**				
6.5.1	Ban hành Quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	0,5				
6.5.2	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	0,5				
6.6	**Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công**	**0,5**				
6.7	**Quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định**	**1**				
6.8	**Thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**3**				
6.9	**Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định**	**1,5**				
7	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**	**14**				
7.1	**Lãnh đạo của cấp ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo**	**0,5**				
7.2	**Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số**	**0,5**				
7.3	**Bố trí công chức phụ trách chuyển đổi số**	**0,5**				
7.4	**Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số**	**1**				
7.5	**Xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số và tổ chức thực hiện**	**1,5**				
7.6	**Điều hành và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường số**	**1**				
7.7	**Tạo, lập hồ sơ công việc điện tử**	**1**				
7.8	**Sử dụng chữ ký số**	**1**				
7.9	**Trang thông tin điện tử**	**0,5**				
7.10	**Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công**	**1**				
7.11	**Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến**	**1,5**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
7.12	**Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến toàn trình**	**1,5**				
7.13	**Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số**	**1**				
7.14	**Mô hình, sản phẩm chuyển đổi số**	**1**				
7.15	**Kiểm tra trên môi trường số**	**0,5**				
8	**NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG**	**12**				
8.1	**Tham gia người dân ở cấp cơ sở**	**1**				
8.2	**Công khai minh bạch**	**4**				
8.2.1	Công khai Danh sách hộ nghèo	1				
8.2.2	Công khai Quy hoạch sử dụng đất tại địa phương	1				
8.2.3	Công khai Kế hoạch sử dụng đất tại địa phương	1				
8.2.4	Công khai bảng giá đất	1				
8.3	**Trách nhiệm giải trình**	**2**				
8.3.1	Thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định	1				
8.3.2	Tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn	1				
8.4	**Tiếp công dân**	**1**				
8.4.1	Tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy địa phương	0,5				
8.4.2	Tiếp công dân của người đứng đầu chính quyền địa phương	0,5				
8.5	**Cung cấp dịch vụ công thiết yếu**	**4**				
8.5.1	Cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	1				
8.5.2	Cung cấp dịch vụ y tế công lập	1				
8.5.3	Cung cấp dịch vụ nước sinh hoạt	1				
8.5.4	Công tác đảm bảo an ninh, trật tự	1				
9	**TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**10**				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
9.1	**Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm**	**1**				
9.2	**Thực hiện thu ngân sách được cấp có thẩm quyền giao**	**3**				
9.2.1	Tỷ lệ % tăng thu so với dự toán được giao	1				
9.2.2	Kết quả thu ngân sách	2				
9.3	**Kết quả đánh giá hài lòng về sự phục vụ hành chính của tổ chức, cá nhân tại địa phương**	**6**				
9.3.1	Kết quả Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1				
9.3.2	Kết quả Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	1				
9.3.3	Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của công chức	1,5				
9.3.4	Kết quả Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	1,5				
9.3.5	Kết quả Chỉ số hài lòng về tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị	1				
	Tổng số điểm	**100**	**6**	**94**	**-**	**-**